

Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



circuit breaker, EasyPact
CVS100F, 36kA at 415VAC, 40A,
TM-D trip unit, 3P3d

LV510333

Main

Range	EasyPact
Range of product	EasyPact CVS100...250
Product name	EasyPact CVS
Device short name	CVS100F
product or component type	Circuit breaker
Device application	Distribution
poles description	3P
Protected poles description	3D
Earth leakage protection (Vigi add on)	Without
[In] rated current	40 A at 40 °C
Network type	AC
Utilisation category	Category A
[Icu] Breaking capacity	36 kA Icu at 440 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 36 kA Icu at 380/415 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 70 kA Icu at 220/240 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2
Trip unit name	TM-D
Trip unit technology	Thermal-magnetic
Trip unit rating	40 A at 40 °C
Protection type	Short-circuit protection (magnetic) Overload protection (thermal)

Complementary

[Uimp] rated impulse withstand voltage	8 kV conforming to EN/IEC 60947-2
Network frequency	50/60 Hz
Breaking capacity code	F
[Ics] rated service breaking capacity	18 kA at 440 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 36 kA at 380/415 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 70 kA at 220/240 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2
Mechanical durability	30000 cycles
Electrical durability	12000 cycles 415 V In conforming to IEC 60947-2
Control type	Toggle
Thermal protection adjustment range	28...40 A
Long time pick-up adjustment type Ir	Adjustable

long time pick-up adjustment range	0.7...1 x I _n
Long time delay adjustment type	Fixed
Instantaneous pick-up adjustment type II	Fixed
instantaneous pick-up adjustment range	500 A
Contact position indicator	Yes
mounting support	Backplate
mounting mode	Fixed
Upside connection	Front
downside connection	Front
Connections - terminals	Screw connection
Connection pitch	35 mm
Compatibility code	CVS100
Width	105 mm
Depth	86 mm
Height	161 mm
net weight	1.5 kg

Environment

Standards	IEC 60947-2 EN 60947-2
Product certifications	IEC GOST
Electrical shock protection class	Class II
Pollution degree	3 conforming to IEC 60664-1
IP degree of protection	IP40
Ambient air temperature for operation	-25...70 °C
Ambient air temperature for storage	-50...85 °C

Packing Units

Unit Type of Package 1	PCE
Number of Units in Package 1	1
Package 1 Height	11.000 cm
Package 1 Width	14.000 cm
Package 1 Length	19.000 cm
Package 1 Weight	1.667 kg
Unit Type of Package 2	S03
Number of Units in Package 2	6
Package 2 Height	30.000 cm
Package 2 Width	30.000 cm
Package 2 Length	40.000 cm
Package 2 Weight	10.422 kg

Unit Type of Package 3	P12
Number of Units in Package 3	48
Package 3 Height	45.000 cm
Package 3 Width	80.000 cm
Package 3 Length	120.000 cm
Package 3 Weight	95.376 kg

Bền vững

Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO₂ thấp.

Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhãn sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)

[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch **RoHS/REACH**

Hiệu suất sức khỏe

Mercury Free

Rohs Exemption Information [Yes](#)

Chứng nhận & Tiêu chuẩn

Reach Regulation

[REACH Declaration](#)

Eu Rohs Directive

Compliant with Exemptions

China Rohs Regulation

[China RoHS declaration](#)

Product out of China RoHS scope. Substance declaration for your information

Environmental Disclosure

[Product Environmental Profile](#)

Weee

The product must be disposed on European Union markets following specific waste collection and never end up in rubbish bins

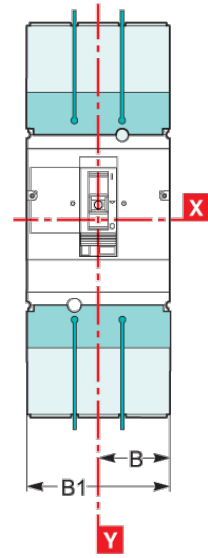
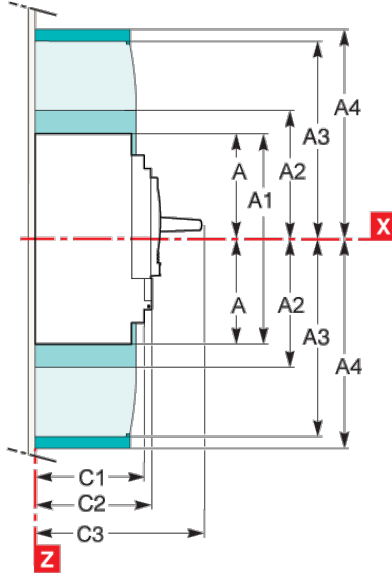
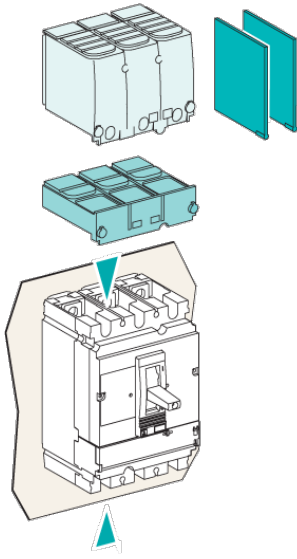
Circularity Profile

No need of specific recycling operations

Bảng thông số sản phẩm

LV510333

Dimensions Drawings



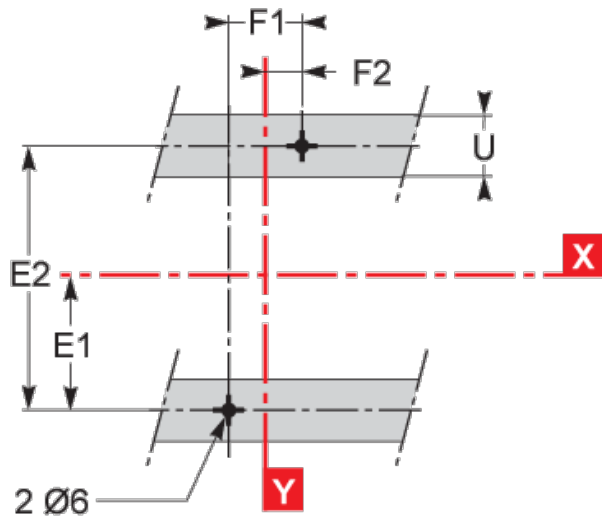
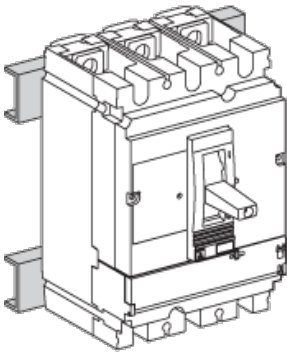
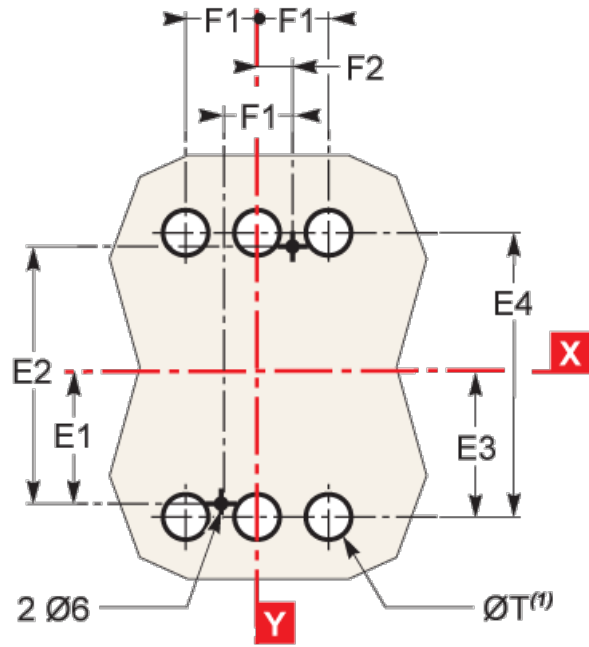
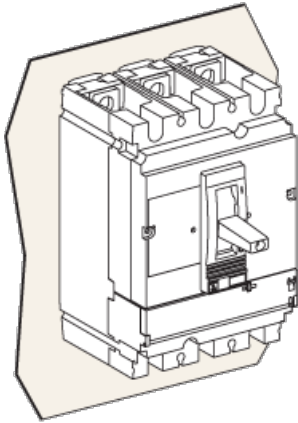
Type	A	A1	A2	A3	A4	A5	A6	A7	A8	A9	B	B1	B2	C1	C2	C3	E1
CWS100H60/250	80.5	161	64	146	170.5	155.5	236	109	226	353.5	52.5	105	140	81	86	111 ^Ø	62.5
CWS400/630	127.5	255	142.5	200	237	227.5	355	242.5	300	337	70	140	186	95.5	110	169	100
Type	E2	E3	E4	E5	E6	E7	E8	F1	F2	F3	G1	G2	G3	G4	G5	ØT	U
CWS100H60/250	125	70	140	137.5	200	145	215	35	17.5	70	85	75	18.5	23	17.5	24	y32
CWS400/630	200	113.5	227	200	300	213.5	327	45	22.5	80	-	-	-	-	32	y35	

Ø T3-126mm for EasyPost CWS250MF

Bảng thông số sản phẩm

LV510333

Assembly



Type	A	A1	A2	A3	A4	A5	A6	A7	A8	A9	B	B1	B2	C1	C2	C3	E1
CVE100/160/250	80.5	161	64	140	170.5	155.5	226	109	220	353.5	52.5	105	140	81	86	111 ⁽¹⁾	82.5
CVE400/630	127.5	255	142.5	200	287	277.5	355	242.5	300	537	70	140	185	95.5	110	168	100
Type	E2	E3	E4	E5	E6	E7	E8	F1	F2	F3	G1	G2	G3	G4	G5	ØT	U
CVE100/160/250	125	70	140	137.5	200	145	215	95	17.5	70	55	75	13.5	33	17.5	34	y32
CVE400/630	200	113.5	227	200	300	213.5	327	45	22.5	90	-	-	-	-	32	y35	

⁽¹⁾ C3-126mm for EasyRect CVE2500/F.

Performance Curves

